

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	10

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy chứng nhận

##### đăng ký kinh doanh

Số 0300734844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 8 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 5 năm 2017.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đông Triều	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Bùi Vạn Thành	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016, Miễn nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2017)
Ông Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2017)
Ông Trần Cửu Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2016, Miễn nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2017)
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Lê Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Huy Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Phan Thanh Quan	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Phan Hoàng Liêm	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Hồ Thiện Nhân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Lai	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Phạm Xuân Hồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Phạm Nhật Vinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018)

#### Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Phượng	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Trần Văn Lý	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Mai Thanh Tol	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2016)
	Ông Vũ Hồng Quỳnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2017)
	Ông Phạm Văn Thạnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2017)
	Ông Hoàng Tiến Đạt	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2017)
	Ông Nguyễn Hồ Thiện Nhân	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2018)
	Ông Phạm Hoàng Liêm	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017)
	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017)
	Ông Bùi Vạn Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017)
Ông Phạm Nhật Vinh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2018)	
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2016)
	Ông Vũ Hồng Quỳnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2017)
	Ông Phạm Văn Thạnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2017)
	Ông Hoàng Tiến Đạt	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm 15 tháng 5 năm 2017)
<b>Trụ sở chính</b>	15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 34. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Tiến Đạt  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 6 tháng 12 năm 2018



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 6 tháng 12 năm 2018. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 34.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

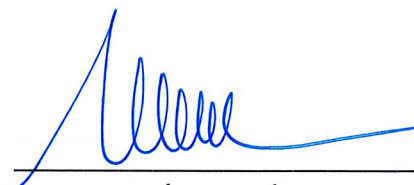
### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 35 của báo cáo tài chính, theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐ HTKD”) ngày 9 tháng 6 năm 2015 và Phụ lục số 01 của Biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2016, hai đối tác của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (“OGC”) và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (“GDI”) đã góp vốn vào Dự án Lega Fashion House (“Dự án”) với số tiền tương ứng là 38.996.885.439 đồng và 5.635.596.481 đồng, và cũng đã trao quyền thực hiện Dự án và tìm kiếm đối tác mới thực hiện Dự án cho Công ty. Theo Phụ lục số 01 nói trên và biên bản làm việc ngày 4 tháng 8 năm 2017 và Biên bản họp số 12/BB-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2017 giữa Công ty, GDI và OGC, khi Công ty ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới, thì Công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho OGC và GDI số tiền góp vốn nói trên. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC và GDI, và cũng chưa thể xác định được khi nào thì Công ty tìm được đối tác mới cũng như số tiền sẽ nhận được từ đối tác mới để hoàn trả cho OGC và GDI. Do đó, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản dự phòng chi phí nào vào báo cáo tài chính này cho nghĩa vụ hoàn trả OGC và GDI với tổng số tiền là 44.632.481.920 đồng (chưa bao gồm tiền lãi nếu có).

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Viết Hùng Trần  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0048-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Lương Thị Ánh Tuyết  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3048-2017-006-1

Báo cáo kiểm toán số HCM7544  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 12 năm 2018

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo chỉ nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận ở nước CHXHCN Việt Nam, không thực hiện theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán của các thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>49.574.248.481</b>	<b>56.662.475.741</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>10.852.654.458</b>	<b>18.735.062.173</b>
111	Tiền		5.852.654.458	16.735.062.173
112	Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	2.000.000.000
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>7.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	7.000.000.000	18.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>23.810.017.874</b>	<b>9.424.378.940</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	22.981.767.759	8.309.613.156
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	241.717.010	271.828.547
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	585.004.478	841.408.610
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		1.528.627	1.528.627
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	8	<b>7.656.089.848</b>	<b>10.481.429.110</b>
141	Hàng tồn kho		19.521.720.601	18.066.259.230
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.865.630.753)	(7.584.830.120)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>255.486.301</b>	<b>21.605.518</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		202.702.745	21.605.518
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	52.783.556	-
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>33.109.464.852</b>	<b>31.326.044.969</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>55.947.656</b>	<b>94.720.000</b>
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	55.947.656	94.720.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định (“TSCĐ”)</b>		<b>6.311.878.612</b>	<b>5.789.916.720</b>
221	TSCĐ hữu hình	10	6.311.878.612	5.789.916.720
222	Nguyên giá		89.272.731.025	87.555.893.225
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(82.960.852.413)	(81.765.976.505)
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>22.454.707.322</b>	<b>22.186.496.403</b>
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	24.498.722.533	24.498.722.533
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(2.044.015.211)	(2.312.226.130)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.286.931.262</b>	<b>3.254.911.846</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	354.475.715	28.103.365
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11	3.744.481.795	3.036.800.359
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		187.973.752	190.008.122
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>82.683.713.333</b>	<b>87.988.520.710</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

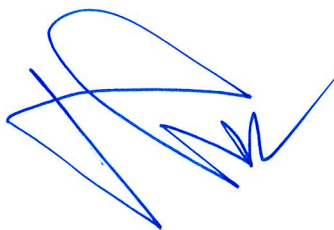
Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>36.225.181.520</b>	<b>38.562.201.648</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>18.727.547.574</b>	<b>19.972.233.955</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	2.187.441.878	4.172.512.223
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		270.102.283	230.025.684
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13	3.120.356.909	4.609.891.624
314	Phải trả người lao động	14	8.011.676.686	5.171.281.663
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	929.770.161	1.011.962.224
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	3.946.766.070	4.466.326.950
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		261.433.587	310.233.587
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>17.497.633.946</b>	<b>18.589.967.693</b>
337	Phải trả dài hạn khác	17	525.500.000	628.586.240
342	Dự phòng phải trả dài hạn	18	16.972.133.946	17.961.381.453
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>46.458.531.813</b>	<b>49.426.319.062</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>46.458.531.813</b>	<b>49.426.319.062</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19,20	74.000.000.000	74.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		74.000.000.000	74.000.000.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	19	4.003.156.282	4.003.156.282
418	Quỹ đầu tư phát triển	19	9.605.117.855	9.605.117.855
421	Lỗi lũy kế	19	(41.149.742.324)	(38.181.955.075)
421a	- Lỗi lũy kế của các năm trước		(38.181.955.075)	(38.846.482.082)
421b	- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của năm nay		(2.967.787.249)	664.527.007
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>82.683.713.333</b>	<b>87.988.520.710</b>



Nguyễn Thị Lan Trà  
Người lập



Lê Phan Hoàng Long  
Kế toán trưởng



Hoàng Tiến Đạt  
Tổng Giám đốc  
Ngày 6 tháng 12 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

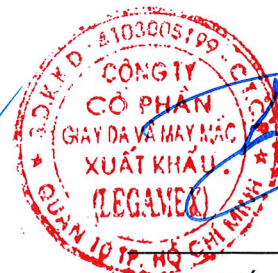
Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.381.160.104	129.632.160.189
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(409.665.200)	(626.157.422)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.971.494.904	129.006.002.767
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(68.862.537.035)	(103.249.386.183)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.108.957.869	25.756.616.584
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1.650.388.925	3.263.013.147
22	Chi phí tài chính	208.382.894	(10.386.260)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	(122.267.727)
25	Chi phí bán hàng	(3.535.994.330)	(5.060.597.123)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(22.313.322.584)	(21.671.225.229)
30	(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.881.587.226)	2.277.421.119
31	Thu nhập khác	74.116.743	3.796.231.031
32	Chi phí khác	(1.665.735.688)	(4.098.941.804)
40	Lỗ khác	(1.591.618.945)	(302.710.773)
50	(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.473.206.171)	1.974.710.346
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(202.262.514)	(1.208.079.050)
52	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	707.681.436	(102.104.289)
60	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN	(2.967.787.249)	664.527.007
70	(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(401)	90
71	(Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu	(401)	90

*kal*

Nguyễn Thị Lan Trà  
Người lập

*[Signature]*

Lê Phan Hoàng Long  
Kế toán trưởng



*[Signature]*  
Hoàng Tiến Đạt  
Tổng Giám đốc  
Ngày 6 tháng 12 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 03 – DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(3.473.206.171)</b>	<b>1.974.710.346</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao TSCĐ	1.494.276.108	1.898.358.212
03	Các khoản dự phòng	3.023.342.207	1.893.812.923
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(3.632.186)	(146.014.587)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.915.408.268)	(3.139.002.599)
06	Chi phí lãi vay	-	122.267.727
<b>08</b>	<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(874.628.310)</b>	<b>2.604.132.022</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(13.915.393.713)	8.854.078.626
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(1.453.427.001)	2.339.835.703
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(529.947.745)	837.111.022
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(589.661.640)	810.355.311
14	Tiền lãi vay đã trả	-	(122.267.727)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(909.640.327)	(1.352.479.522)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(18.272.698.736)</b>	<b>13.970.765.435</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.716.837.800)	(1.228.887.500)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	354.427.087
23	Chi gửi tiền ngân hàng có kỳ hạn	-	(13.000.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	11.000.000.000	29.000.000.000
27	Thu lãi tiền gửi	1.131.751.635	2.784.575.512
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>10.414.913.835</b>	<b>17.910.115.099</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	-	14.575.367.870
34	Chi trả nợ gốc vay	-	(31.949.933.376)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(28.255.000)	(223.995.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(28.255.000)</b>	<b>(17.598.560.506)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(7.886.039.901)</b>	<b>14.282.320.028</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>18.735.062.173</b>	<b>4.309.654.262</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	3.632.186	143.087.883
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>10.852.654.458</b>	<b>18.735.062.173</b>

  
 Nguyễn Thị Lan Trà  
 Người lập

  
 Lê Phan Hoàng Long  
 Kế toán trưởng

  
  
 Hoàng Tiến Đạt  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 6 tháng 12 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300734844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 8 năm 2006 và thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gia công may mặc, dệt nhẵn, thương mại và dịch vụ cho thuê mặt bằng.

Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty có các đơn vị trực thuộc gồm: Khối sản xuất, và Trung tâm thời trang cùng tại 15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 437 cán bộ công nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 442 cán bộ công nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo chỉ nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận ở nước CHXHCN Việt Nam, không thực hiện theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán của các thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Hàng tồn kho**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất từ các hoạt động gia công tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.7 Đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

**2.8 Tài sản cố định hữu hình**

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4% - 5%
Máy móc thiết bị	10% - 14%
Phương tiện vận tải	14%
Thiết bị quản lý	14%

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.9 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### **2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### **2.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu: phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.17 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**(b) Doanh thu gia công**

Doanh thu hoạt động gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa đã được gia công và chuyển giao cho khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền gia công.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(c) Doanh thu dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(d) Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**(e) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(f) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.19 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.21 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, và vận chuyển.

**2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

**2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

### 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 2.24 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

#### 2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2017 VND	2016 VND
Tiền mặt	106.329.020	284.810.204
Tiền gửi ngân hàng	5.746.325.438	16.450.251.969
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	2.000.000.000
	<u>10.852.654.458</u>	<u>18.735.062.173</u>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất 5,3%/năm (2016: 5%/năm).

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	7.000.000.000	18.000.000.000

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại, trên 3 tháng và dưới mười hai tháng và hưởng lãi suất 6.5% - 6.78%/năm (2016: 6%-6,6%/năm).

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<b>2017</b>			<b>2016</b>		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	13.218.722.533	(*)	(2.044.015.211)	13.218.722.533	(*)	(2.312.226.130)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đầu tư Việt Nam	1.680.000.000	(*)	-	1.680.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	9.600.000.000	(*)	-	9.600.000.000	(*)	-
	<u>24.498.722.533</u>		<u>(2.044.015.211)</u>	<u>24.498.722.533</u>		<u>(2.312.226.130)</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên, do cổ phần của các công ty được đầu tư chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
<b>Bên thứ ba</b>		
Liên hiệp HTX Thương mại TP.HCM	1.435.109.708	2.285.101.915
Itochu Modopal Co., Ltd.	11.357.136	2.377.347.642
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)	-	2.074.520.800
Khác	779.258.723	1.416.677.357
<b>Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	20.746.275.000	146.198.250
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú	9.767.192	9.767.192
	<u>22.981.767.759</u>	<u>8.309.613.156</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Xây dựng và Nội thất VPLUS	-	232.907.400
Khác	241.717.010	38.921.147
	<u>241.717.010</u>	<u>271.828.547</u>

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>2017</b>		<b>2016</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự</b>
	<b>VND</b>	<b>phòng</b>	<b>VND</b>	<b>phòng</b>
		<b>VND</b>		<b>VND</b>
Các khoản tạm ứng	306.603.000	-	32.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	234.288.888	-	718.545.321	-
Thuế TNCN phải thu từ công nhân viên	-	-	2.431.513	-
Khác	44.112.590	-	88.431.776	-
	<u>585.004.478</u>	<u>-</u>	<u>841.408.610</u>	<u>-</u>

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>2017</b>		<b>2016</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược	<u>55.947.656</u>	<u>-</u>	<u>94.720.000</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**Mẫu số B 09 – DN**

**8 HÀNG TỒN KHO**

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	2.018.495.515	(936.549.990)	1.927.235.626	(873.874.075)
Công cụ, dụng cụ	150.081.493	(150.081.493)	213.920.878	(213.920.878)
Chi phí SXKD dở dang	163.051.028	-	165.339.371	-
Thành phẩm	15.169.173.479	(9.033.196.163)	13.758.111.192	(4.747.924.734)
Hàng hóa	1.979.936.907	(1.709.483.772)	1.960.593.621	(1.715.913.033)
Hàng gửi đi bán	40.982.179	(36.319.336)	41.058.542	(33.197.400)
	<u>19.521.720.601</u>	<u>(11.865.630.753)</u>	<u>18.066.259.230</u>	<u>(7.584.830.120)</u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	7.584.830.120	7.277.223.564
Tăng dự phòng	4.280.800.633	307.606.556
Số dư cuối năm	<u>11.865.630.753</u>	<u>7.584.830.120</u>

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2017 VND	2016 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	22.191.673
Khác	354.475.715	5.911.692
	<u>354.475.715</u>	<u>28.103.365</u>

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	28.103.365	675.521.791
Tăng	631.016.948	30.300.000
Phân bổ trong năm	(304.644.598)	(677.718.426)
Số dư cuối năm	<u>354.475.715</u>	<u>28.103.365</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**10 TSCĐ HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	56.996.248.373	25.570.072.449	2.122.991.466	2.866.580.937	<b>87.555.893.225</b>
Mua trong năm	-	1.688.938.000	327.300.000	-	<b>2.016.238.000</b>
Xóa sổ trong năm	-	-	(299.400.200)	-	<b>(299.400.200)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	56.996.248.373	27.259.010.449	2.150.891.266	2.866.580.937	<b>89.272.731.025</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	53.956.925.783	23.676.500.185	1.698.781.510	2.433.769.027	<b>81.765.976.505</b>
Khấu hao trong năm	827.977.844	472.149.561	123.962.995	70.185.708	<b>1.494.276.108</b>
Xóa sổ trong năm	-	-	(299.400.200)	-	<b>(299.400.200)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	54.784.903.627	24.148.649.746	1.523.344.305	2.503.954.735	<b>82.960.852.413</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	3.039.322.590	1.893.572.264	424.209.956	432.811.910	<b>5.789.916.720</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.211.344.746	3.110.360.703	627.546.961	362.626.202	<b>6.311.878.612</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 68.617.914.052 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 55.859.344.028 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**11 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	2017 VND	2016 VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	3.744.481.795	3.036.800.359

Biến động gộp về thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	3.036.800.359	3.138.904.648
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 31)	707.681.436	(102.104.289)
Số dư cuối năm	3.744.481.795	3.036.800.359

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh từ trợ cấp thôi việc, dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn sẽ được khấu trừ trong tương lai.

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2017 VND	2016 VND
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Thời trang Minh Trí Production	923.615.000	1.809.592.400
Công ty TNHH may Tano	-	568.535.402
Khác	1.252.614.428	1.785.473.721
<b>Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	10.332.450	8.030.700
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú	880.000	880.000
	2.187.441.878	4.172.512.223



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp ngân sách Nhà Nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cán trừ/ Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
<b>a) Phải thu</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	20.452.600	20.452.600
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	32.330.956	32.330.956
				<u>52.783.556</u>	<u>52.783.556</u>
<b>b) Phải nộp</b>					
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.017.083.538	5.742.260.679	(5.116.600.395)	-	1.642.743.822
Tiền thuế đất	1.618.725.316	7.802.107.913	(8.433.497.038)	-	987.336.191
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	39.646.071	-	-	39.646.071
Thuế tài nguyên	468.000	5.616.000	(5.616.000)	-	468.000
Thuế xuất, nhập khẩu	698.755.346	13.992	(790.662.835)	91.893.497	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	686.925.213	202.262.514	(909.640.327)	20.452.600	-
Thuế thu nhập cá nhân	45.877.889	155.578.913	(233.787.758)	32.330.956	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	542.056.322	-	-	(91.893.497)	450.162.825
	<u>4.609.891.624</u>	<u>13.953.486.082</u>	<u>(15.495.804.353)</u>	<u>52.783.556</u>	<u>3.120.356.909</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Phải trả người lao động thể hiện chi phí lương, thưởng và các khoản phải trả khác cho người lao động.

**15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Tiền nước truy thu	-	82.030.108
Khác	929.770.161	929.932.116
	<u>929.770.161</u>	<u>1.011.962.224</u>

**16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Cổ tức phải trả	1.328.545.500	1.356.800.500
Nhận ký quỹ ngắn hạn	897.655.000	1.058.470.000
Kinh phí công đoàn	658.694.156	858.724.836
Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	468.261.741	86.400.000
Tài sản thừa chờ xử lý	17.264.452	11.093.452
Khác	576.345.221	1.094.838.162
	<u>3.946.766.070</u>	<u>4.466.326.950</u>

(\*) Phát sinh từ HĐ HTKD số 02/HĐHTKD-2010 với Công ty TNHH Dệt May Thế Hòa.

**17 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Đây là các khoản nhận ký quỹ dài hạn từ bên thứ ba, và không có số dư nào chiếm trên 10% tổng số.

**18 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.654.071.000	6.208.223.000
Dự phòng cho dự án Lega Fashion House (*)	13.318.062.946	11.753.158.453
	<u>16.972.133.946</u>	<u>17.961.381.453</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**Mẫu số B 09 – DN**

**18 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN (tiếp theo)**

(\*) Theo đề nghị của Công ty tại Văn bản số 106/2014/LG-DA ngày 18 tháng 6 năm 2014 về miễn tiền thuê đất đối với khu đất tại địa chỉ số 106 Đường 3 tháng 2, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (“Dự án Lega Fashion House”) và theo thông báo Tạm miễn tiền thuê đất số 13698/TB-CK-KTTĐ ngày 20 tháng 12 năm 2014 từ Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh cho lô đất nói trên, Công ty được tạm miễn tiền thuê đất trong giai đoạn xây dựng cơ bản từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 9 năm 2017, với điều kiện sau khi công trình của Dự án Lega Fashion House được hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác Công ty phải xuất trình đầy đủ giấy tờ để Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ để ban hành Quyết định miễn tiền thuê đất. Tuy nhiên trong giai đoạn từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 9 năm 2017, Công ty chưa thực hiện các hoạt động xây dựng cơ bản có liên quan đến Dự án Lega Fashion House. Ngoài ra, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty cũng chưa nộp tiền thuê đất cho giai đoạn tạm miễn nêu trên. Do đó, Công ty đã thực hiện lập dự phòng cho tiền thuê đất cho Dự án Lega Fashion House giai đoạn từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 12 năm 2017 với số tiền là 12.198.262.453 đồng và tiền chậm nộp tính từ ngày 1 tháng 3 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.119.800.493 đồng.

**19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2017		2016	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	7.400.000	-	7.400.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.400.000	-	7.400.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.400.000	-	7.400.000	-

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	2017		2016	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	3.774.000	51	3.774.000	51
Các cổ đông khác	3.626.000	49	3.626.000	49
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.400.000	100	7.400.000	100

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Cổ phiếu ưu đãi VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.400.000	7.400.000	-	7.400.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.400.000	7.400.000	-	7.400.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7.400.000	7.400.000	-	7.400.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

**20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lỗ lũy kế VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	74.000.000.000	4.003.156.282	(38.846.482.082)	9.605.117.855	48.761.792.055
Lợi nhuận trong năm	-	-	664.527.007	-	664.527.007
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	74.000.000.000	4.003.156.282	(38.181.955.075)	9.605.117.855	49.426.319.062
Lỗ trong năm	-	-	(2.967.787.249)	-	(2.967.787.249)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	74.000.000.000	4.003.156.282	(41.149.742.324)	9.605.117.855	46.458.531.813

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**21 CỔ TỨC**

Biến động về cổ tức phải trả trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.356.800.500	1.580.795.500
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(28.255.000)	(223.995.000)
Số dư cuối năm	<u>1.328.545.500</u>	<u>1.356.800.500</u>

**22 (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận/ (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

(Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

	2017 VND	2016 VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	(2.967.787.249)	664.527.007
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	7.400.000	7.400.000
(Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	(401)	90
(Lỗ)/lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)	(401)	90

**23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	2017	2016
Đô la Mỹ (USD)	5.553	643.890
Euro (EUR)	410	163
Đô la Singapore (SGD)	105	105
Francs Bỉ (BEF)	1.200	1.200

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**Mẫu số B 09 – DN**

**24 DOANH THU THUẦN**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	50.706.035.000	89.670.145.453
Doanh thu bán hàng	21.048.715.311	21.705.016.626
Doanh thu cho thuê	13.336.162.882	14.114.878.662
Doanh thu khác	6.290.246.911	4.142.119.448
	<u>91.381.160.104</u>	<u>129.632.160.189</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(285.994.630)	(399.250.207)
Hàng bán bị trả lại	-	(19.446.950)
Giảm giá hàng bán	(123.670.570)	(207.460.265)
	<u>(409.665.200)</u>	<u>(626.157.422)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ gia công	50.420.040.370	89.270.895.246
Doanh thu thuần về bán hàng	20.925.044.741	21.478.109.411
Doanh thu cho thuê	13.336.162.882	14.114.878.662
Doanh thu khác	6.290.246.911	4.142.119.448
	<u>90.971.494.904</u>	<u>129.006.002.767</u>

**25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Giá vốn của dịch vụ gia công	47.133.332.819	83.671.037.226
Giá vốn của thành phẩm đã bán	16.678.127.134	17.198.880.907
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.280.800.633	307.606.556
Giá vốn dịch vụ cho thuê	558.635.656	964.197.314
Khác	211.640.793	1.107.664.180
	<u>68.862.537.035</u>	<u>103.249.386.183</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	940.008.068	1.855.075.512
Cổ tức, lợi nhuận được chia	676.000.000	929.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	30.748.671	332.423.048
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	3.632.186	146.014.587
	<u>1.650.388.925</u>	<u>3.263.013.147</u>

**27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Lãi tiền vay	-	122.267.727
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	59.333.221	154.408.166
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(268.210.919)	(266.289.633)
Khác	494.804	-
	<u>(208.382.894)</u>	<u>10.386.260</u>

**28 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí nhân viên	1.796.130.123	1.842.925.604
Chi phí hoa hồng bán hàng	307.873.845	1.260.094.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.019.092	497.836.905
Chi phí khấu hao TSCĐ	72.331.440	77.852.616
Chi phí vật liệu, bao bì	20.809.130	37.352.140
Khác	1.152.830.700	1.344.535.555
	<u>3.535.994.330</u>	<u>5.060.597.123</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**Mẫu số B 09 – DN**

**29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí nhân viên	7.153.229.416	11.920.079.446
Chi phí thuê đất, nhà xưởng, và văn phòng	6.475.780.526	2.495.697.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.523.371.477	2.572.091.039
Chi phí khấu hao TSCĐ	948.552.932	1.114.809.836
Khác	2.212.388.233	3.568.547.174
	<u>22.313.322.584</u>	<u>21.671.225.229</u>

**30 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Phí được hỗ trợ từ đối tác đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	2.949.547.257
Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	354.427.087
Thu tiền từ nợ đã xóa sổ	-	76.386.803
Khác	74.116.743	415.869.884
	<u>74.116.743</u>	<u>3.796.231.031</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí liên quan Dự án Lega Fashion House	(1.564.904.493)	(2.670.624.000)
Thuế bị truy thu	-	(1.281.658.352)
Khác	(100.831.195)	(146.659.452)
	<u>(1.665.735.688)</u>	<u>(4.098.941.804)</u>
<b>Lỗ khác</b>	<u>(1.591.618.945)</u>	<u>(302.710.773)</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Số thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.473.206.171)	1.708.420.713
Thuế tính ở thuế suất 20%	(694.641.234)	341.684.143
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(135.200.000)	(185.900.000)
Chi phí không được khấu trừ	324.422.312	1.154.399.196
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>(505.418.922)</u>	<u>1.310.183.339</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	202.262.514	1.208.079.050
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 11)	(707.681.436)	102.104.289
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>(505.418.922)</u>	<u>1.310.183.339</u>

(\*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân công	50.154.277.166	90.620.949.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.361.731.910	28.984.439.465
Chi phí dự phòng	4.280.800.633	307.606.556
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.494.276.108	1.898.358.212
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	843.908.406	2.149.107.825
Chi phí khác	3.576.859.726	6.020.746.909
	<u>94.711.853.949</u>	<u>129.981.208.535</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**33 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định do chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty.

	2017 VND	2016 VND
<b>(a) Giao dịch với các bên liên quan</b>		
<b>Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	47.242.275.000	398.490.908
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định - Phong Phú	-	111.182.128
	<u>47.242.275.000</u>	<u>509.673.036</u>
<b>Doanh thu hợp tác kinh doanh</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	-	15.121.001
	<u>-</u>	<u>15.121.001</u>
<b>Chi phí hợp tác kinh doanh</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	-	109.719.772
	<u>-</u>	<u>109.719.772</u>
<b>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Ban Tổng giám đốc và các cấp quản lý chủ chốt	1.959.071.119	2.155.400.411
	<u>1.959.071.119</u>	<u>2.155.400.411</u>
<b>(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan</b>		
<b>Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	20.746.275.000	146.198.250
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định - Phong Phú	9.767.192	9.767.192
	<u>20.756.042.192</u>	<u>155.965.442</u>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh 12)</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	10.332.450	8.030.700
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định - Phong Phú	880.000	880.000
	<u>11.212.450</u>	<u>8.910.700</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

### 34 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2017 VND	2016 VND
Dưới 1 năm	8.817.831.147	8.807.975.147
1 – 5 năm	19.350.756.112	23.190.140.290
Trên 5 năm	95.394.385.143	98.232.394.911
	<u>123.562.972.402</u>	<u>130.230.510.348</u>

Chi tiết cam kết thuê hoạt động liên quan đến các khu đất như sau:

Vị trí đất	Tiền thuê năm VND/ m <sup>2</sup>
Số 15 Đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP Hồ Chí Minh	237.600 đồng
Số 195 Đường 3/2, Phường 9, Quận 10, TP Hồ Chí Minh	1.408.000 đồng
Số 467C Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, Quận 10, TP Hồ Chí Minh	528.000 đồng
Số 63-65 Đường Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP Hồ Chí Minh	45.760 đồng
Số 106 Đường 3/2, Phường 14, Quận 10, TP Hồ Chí Minh	1.267.200 đồng

### 35 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐ HTKD”) số 004/2010/HTKD-LEGAMEX-GDI-DGC-OCEANBANK ký ngày 17 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty và các bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (“GDI”) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (“OGC”) cho Dự án Lega Fashion House (“Dự án”), theo đó Công ty góp vốn bằng quyền sử dụng đất, GDI và OGC góp vốn bằng tiền mặt.

Theo Biên bản thanh lý HĐ HTKD ngày 9 tháng 6 năm 2015 và Phụ lục số 01 của biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2016, các bên đã thống nhất chi phí đã phát sinh của các bên cho Dự án như sau: Công ty đã chi số tiền là 5.201.817.904 đồng, OGC đã chi số tiền là 38.996.885.439 đồng và GDI số tiền là 5.635.596.481 đồng. Bên cạnh đó, các bên tham gia HĐ HTKD của Dự án đồng ý trao quyền cho Công ty tìm kiếm và ký hợp đồng với đối tác mới. Theo đó, trên cơ sở ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới, thì Công ty có nghĩa vụ phải hoàn trả OGC và GDI số tiền trên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2016, GDI có Công văn số 70/2016-GDI và ngày 19 tháng 12 năm 2016, OGC có Công văn số 341/2016/CV-PGC gửi cho Công ty có cùng nội dung yêu cầu các bên tham gia HĐ HTKD tiến hành cuộc họp nhằm hủy bỏ Biên bản thanh lý HĐ HTKD ngày 9 tháng 6 năm 2015 và Phụ lục số 01 của biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2016 nêu trên và đề nghị tiếp tục thực hiện HĐ HTKD.

**35 NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)**

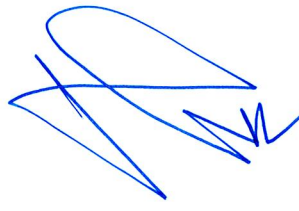
Biên bản làm việc ngày 4 tháng 8 năm 2017 và Biên bản họp số 12/BB-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2017 giữa Công ty, GDI và OGC, theo đó GDI và OGC xác nhận việc thoái vốn khỏi Dự án và trao quyền thực hiện dự án cho Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC và GDI, cũng như đánh giá khả năng tìm kiếm đối tác mới phù hợp chưa được xác định, nên Công ty chưa thể xác định được một cách chắc chắn số tiền sẽ thu được từ đối tác để hoàn trả cho OGC và GDI, và theo đó Công ty không ghi nhận dự phòng nghĩa vụ hoàn trả cho OGC và GDI trên báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 6 tháng 12 năm 2018.



Nguyễn Thị Lan Trà  
Người lập



Lê Phan Hoàng Long  
Kế toán trưởng



Hoàng Tiến Đạt  
Tổng Giám đốc